

DANH SÁCH HỌC SINH - SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC

Tên môn : Đo lường điện

Học kỳ: 2

Khóa học : TC2025

Năm học: 2025

Bậc đào tạo : Trung cấp chính quy 1.5 năm

Phòng thi: Phòng A01

Ngày thi : 23/06/2026

Giờ thi: 13.30

Lần thi: 1

STT	SBD	Mã số	Họ và tên	Số phách	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Ký tên	Ghi chú
1	001	25TQ1B_01	Nguyễn Đức An	26	1	1,5	một, năm	An	
2	002	25TQ1E_01	Trần Bình An	27	1	5,0	năm	An	
3	003	25TQ1D_01	Trần Quốc An	28	1	7,0	bảy	An	
4	004	25TQ1A_01	Võ Nguyễn Trường An	29	1	8,0	tám	An	
5	005	25TQ1E_02	Dương Quốc Anh	30	1	9,0	chín	Anh	
6	006	25TQ1B_02	Hoàng Ngọc Anh	31	1	6,0	sáu	Anh	
7	007	25TQ1D_02	Lê Tuấn Anh	32	1	8,5	tám, năm	Anh	
8	008	25TQ1D_03	Lê Tuấn Anh	33	1	5,0	năm	Anh	
9	009	25TQ1B_04	Nguyễn Quốc Anh	34	1	3,0	ba	Anh	
10	010	25TQ1D_04	Nguyễn Trung Anh	35	1	6,5	sáu	Anh	
11	011	25TQ1E_03	Bùi Thiên Bảo	36	1	1,0	Một	Bảo	
12	012	25TQ1E_04	Nguyễn Đức Huy Bảo	37	1	3,5	ba, năm	Bao	
13	013	25TQ1A_03	Nguyễn Phan Gia Bảo	38	1	6,5	Sáu, năm	Bao	
14	014	25TQ1E_05	Nguyễn Quốc Bảo	39	1	8,5	tám, năm	Bao	
15	015	25TQ1E_06	Nguyễn Thanh Gia Bảo	40	1	6,0	sáu	Bao	
16	016	25TQ1E_07	Phạm Hoàng Gia Bảo	41	1	2,0	hai	Bao	
17	017	25TQ1D_06	Đinh Phạm Thanh Bình	42	1	1,0	một	Binh	
18	018	25TQ1F_03	Nguyễn Nhật Chương	43	1	9,5	chín, năm	Chuong	
19	019	25TQ1B_08	Huỳnh Thế Cường	44	1	1,5	một, năm	Cuong	
20	020	25TQ1D_07	Nguyễn Chí Cường	45	1	3,5	ba, năm	Cuong	
21	021	25TQ1A_05	Trần Chí Cường	6	1	0,5	Không, năm	Cuong	
22	022	25TQ1D_08	Võ Duy Cường	7	1	4,0	bốn	Cuong	
23	023	25TQ1B_15	Đặng Anh Đăng	8	1	7,5	bảy, năm	Dang	
24	024	25TQ1C_06	Nguyễn Nhựt Đăng	9	1	1,0	Một	Dang	
25	025	25TQ1D_09	Huỳnh Thanh Danh	10	1	0,0	Không	Danh	
26	026	25TQ1B_10	Nguyễn Thành Danh	11	1	5,0	năm	Danh	
27	027	25TQ1B_13	Nguyễn Hữu Tấn Đạt	12	1	5,0	năm	Dat	
28	028	25TQ1B_14	Nguyễn Thành Đạt	13	1	0,0	Không	Dat	
29	029	25TQ1E_10	Thạch Bune Davy	14	1	3,0	ba	Davy	
30	030	25TQ1F_09	Nguyễn Lê Phú Điền	15	1	3,0	ba	Dieu	
31	031	25TQ1B_16	Nguyễn Huy Đức	1	1	5,0	năm	Dieu	
32	032	25TQ1B_11	Nay Dung	2	1	6,0	Sáu	Dung	
33	033	25TQ1E_11	Nguyễn Thành Được	3	1	2,5	hai, năm	Dieu	
34	034	25TQ1C_04	Huỳnh Phong Dương	4	1	3,0	ba	Duong	

35	035	25TQ1C_05	Nguyễn Danh	Dương	5	1	20	Hai	
----	-----	-----------	-------------	-------	---	---	----	-----	--

Tp. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 20...

Tổng số: 35
Số sinh viên có mặt: 35
Số sinh vắng mặt: 00

Số bài thi: 35
Số tờ giấy thi: 35

Giám thị 1

[Signature]
Nguyễn Danh

Duyệt

Trưởng khoa

[Signature]
Đặng Mạnh Cường

Giám thị 2

[Signature]
Lương Hồng Nhung

Thư ký khoa

[Signature]
Hồng Tuyết Ngân

DANH SÁCH HỌC SINH - SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC

Tên môn : Đo lường điện

Khóa học : TC2025

Bậc đào tạo : Trung cấp chính quy 1.5 năm

Ngày thi : 23/06/2026

Học kỳ: 2

Năm học: 2025

Phòng thi: Phòng A02

Giờ thi: 13.30 Lần thi: 1

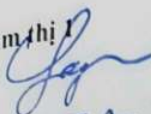
STT	SBD	Mã số	Họ và tên	Số phách	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Ký tên	Ghi chú
1	036	25TQ1B_12	Phùng Dương	61	1	7,5	bảy, năm	<i>Dương</i>	
2	037	25TQ1E_08	Cao Nhật Duy	62	1	2,5	hai, năm	<i>Duy</i>	
3	038	25TQ1F_04	Lê Ngọc Duy	63	1	7,5	bảy, năm	<i>Duy</i>	
4	039	25TQ1D_10	Nguyễn Bảo Duy	64	1	2,0	hai	<i>Duy</i>	
5	040	25TQ1E_09	Nguyễn Hà Duy	65	1	6,5	sáu, năm	<i>Duy</i>	
6	041	25TQ1F_05	Nguyễn Trúc Duy	66	1	7,5	bảy, năm	<i>Duy</i>	
7	042	25TQ1F_06	Phạm Đăng Khánh Duy	67	1	5,5	năm, năm	<i>Duy</i>	
8	043	25TQ1F_07	Phạm Thanh Hoài Duy	68	1	5,0	năm	<i>Duy</i>	
9	044	25TQ1A_56	Nguyễn Đình Hào	69	1	3,0	ba	<i>Hào</i>	
10	045	25TQ1F_10	Nguyễn Minh Hào	70	1	7,5	bảy, năm	<i>Hào</i>	
11	046	25TQ1F_11	Nguyễn Nhật Hào	51	1	1,5	một, năm	<i>Hào</i>	
12	047	25TQ1D_13	Phan Nhật Hào	52	1	4,0	bốn	<i>Hào</i>	
13	048	25TQ1E_12	Trương Nhật Hào	53	1	5,5	năm, năm	<i>Hào</i>	
14	049	25TQ1B_17	Võ Anh Hào	54	1	9,0	chín	<i>Hào</i>	
15	050	25TQ1A_08	Phạm Phúc Hậu	55	1	7,0	bảy	<i>Hậu</i>	
16	051	25TQ1D_14	Phan Minh Hiền	56	1	5,5	năm, năm	<i>Huỳnh</i>	
17	052	25TQ1E_13	Lê Chí Hiếu	57	1	5,5	năm, năm	<i>Huỳnh</i>	
18	053	25TQ1E_14	Phan Hoàng Chí Hiếu	58	1	1,0	Một	<i>Huỳnh</i>	
19	054	25TQ1B_19	Lê Văn Nhật Hòa	59	1	8,0	tám	<i>Hòa</i>	
20	055	25TQ1D_15	Nguyễn Tiến Hoài	60	1	2,5	hai, năm	<i>Hoàng</i>	
21	056	25TQ1E_15	Huỳnh Huy Hoàng	46	1	7,0	bảy	<i>Hoàng</i>	
22	057	25TQ1A_55	Lê Minh Hoàng	47	1	9,0	chín	<i>Hoàng</i>	
23	058	25TQ1B_18	Thái Huy Hoàng	48	1	7,0	bảy	<i>Hoàng</i>	
24	059	25TQ1A_09	Lê Ngọc Huân	49	1	7,0	bảy	<i>Huân</i>	
25	060	25TQ1E_19	Hà Hoàng Hưng	50	1	6,0	sáu	<i>Hưng</i>	
26	061	25TQ1B_21	Lâm Trần Hoàng Huy	36	1	6,0	sáu	<i>Huy</i>	
27	062	25TQ1E_16	Nguyễn Khắc Huy	37	1	7,0	bảy	<i>Huy</i>	
28	063	25TQ1E_17	Đặng Hoàng Huynh	38	1	6,5	sáu, năm	<i>Huynh</i>	
29	064	25TQ1E_18	Nguyễn Khánh Huynh	39	1	9,5	chín, năm	<i>Huynh</i>	
30	065	25TQ1B_24	Đỗ Văn Kha	40	1	8,0	tám	<i>Kha</i>	
31	066	25TQ1F_13	Nguyễn Vũ Kha	41	1	6,0	sáu	<i>Kha</i>	
32	067	25TQ1F_14	Trần Nguyên Kha	42	1	5,0	năm	<i>Kha</i>	
33	068	25TQ1D_17	Lê Trần Nguyên Khang	43	1	2,5	hai, năm	<i>Khang</i>	
34	069	25TQ1B_26	Nguyễn Doãn Hữu Khang	44	1	3,5	ba, năm	<i>Khang</i>	

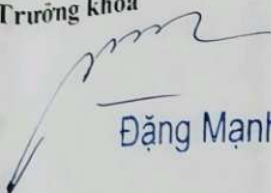
35	070	25TQ1D_18	Nguyễn Phúc	Khang	45	1	4,5	Bản viết	1chạy
----	-----	-----------	-------------	-------	----	---	-----	----------	-------

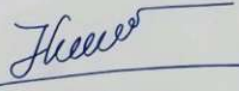
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 6 năm 2025

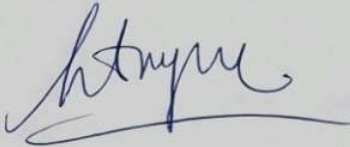
Tổng số: 35
Số sinh viên có mặt: 35
Số sinh vắng mặt: 0

Số bài thi: 35
Số tờ giấy thi: 35

Giám thị 1

Nguyễn Nhân Lập
Duyệt
Trưởng khoa


Đặng Mạnh Cường

Giám thị 2

Đặng Thị Hương
Thư ký khoa


Hồng Tuyết Ngân

DANH SÁCH HỌC SINH - SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC

Tên môn : **Đo lường điện**

Khóa học : **TC2025**

Bậc đào tạo : **Trung cấp chính quy 1.5 năm**

Ngày thi : **23/06/2026**

Học kỳ: **2**

Năm học: **2025**

Phòng thi: **Phòng A04**

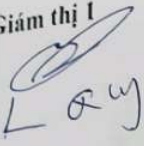
Giờ thi: **13.30** Lần thi: **1**

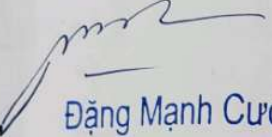
STT	SBD	Mã số	Họ và tên	Số phách	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Ký tên	Ghi chú
1	071	25TQ1E_20	Nguyễn Tuấn Khang	96	1	9,0	Chín	Kh	
2	072	25TQ1C_10	Nguyễn Văn Khang	97	1	4,0	Bốn	kh	
3	073	25TQ1F_15	Nguyễn Văn Vịnh Khang	98	1	6,5	Sáu lười	kh	
4	074	25TQ1E_21	Võ Duy Khang	99	1	8,0	Tám	kh	
5	075	25TQ1E_22	Nguyễn Việt Khang	100	1	5,5	Năm lười	kh	
6	076	25TQ1D_19	Ngô Duy Khanh	101	1	7,5	Bảy lười	kh	
7	077	25TQ1E_23	Nguyễn Anh Khoa	102	1	9,0	Chín	choa	
8	078	25TQ1E_24	Nguyễn Đức Anh Khoa	103	1	2,5	Hai lười	kh	
9	079	25TQ1E_25	Nguyễn Ngọc Anh Khoa	104	1	3,5	Ba lười	kh	
10	080	25TQ1F_17	Võ Anh Khoa	90	1	5,5	Năm lười	kh	
11	081	25TQ1D_20	Nguyễn Đăng Trọng Khôi	91	1	4,5	Bốn lười	kh	
12	082	25TQ1D_21	Nguyễn Minh Khôi	92	1	7,5	Bảy lười	kh	
13	083	25TQ1E_26	Vương Nhật Khôi	93	1	4,5	Bốn lười	kh	
14	084	25TQ1A_15	Nguyễn Trung Kiên	94	1	0,5	Không, năm	kh	
15	085	25TQ1E_27	Khru Tuấn Kiệt	95	1	9,5	Chín, năm	kh	
16	086	25TQ1D_23	Nguyễn Tuấn Kiệt	81	1	2,0	hai	kh	
17	087	25TQ1E_28	Ninh Tuấn Kiệt	82	1	2,0	hai	kh	
18	088	25TQ1B_27	Trần Anh Kiệt	83	1	8,0	Tám	kh	
19	089	25TQ1C_16	Nguyễn Thân Lân	84	1	5,0	năm	kh	
20	090	25TQ1E_29	Vòng Nguyễn Phê Lê	85	1	3,5	ba, năm	kh	
21	091	25TQ1D_24	Lê Hoàng Lân	86	1	4,5	bốn, năm	kh	
22	092	25TQ1B_28	Nguyễn Xuân Lộc						
23	093	25TQ1D_26	Phùng Xuân Lộc	87	1	3,0	ba	kh	
24	094	25TQ1C_17	Võ Thành Luân	88	1	5,5	năm, năm	kh	
25	095	25TQ1B_29	Liêu Huỳnh Lê Luận	89	1	4,0	bốn	kh	
26	096	25TQ1A_18	Lê Thị Ngọc Mai	71	1	7,0	bảy	kh	
27	097	25TQ1A_19	Chu Lê Trà Mi	72	1	6,5	Sáu, năm	kh	
28	098	25TQ1F_21	Nguyễn Duy Minh	73	1	7,0	bảy	kh	
29	099	25TQ1C_18	Trần Nhật Minh	74	1	6,0	Sáu	kh	
30	100	25TQ1C_19	Bùi Văn Nam	75	1	6,5	Sáu, năm	kh	
31	101	25TQ1C_20	Nguyễn Hoài Nam	76	1	5,5	Năm, năm	kh	
32	102	25TQ1A_21	Nguyễn Hoàng Nam	77	1	6,5	Sáu, năm	kh	
33	103	25TQ1A_20	Nguyễn Hoàng Nam	78	1	8,0	Tám	kh	
34	104	25TQ1F_23	Trần Đức Nam	79	1	5,5	năm, năm	Nam	

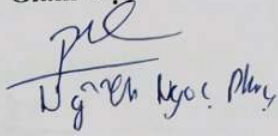
35 | 105 | 25TQ1A_22 | Lê Trọng Nghĩa | 80 | 1 | 4,5 | Bến Lức | Ngã
Tp. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 20...

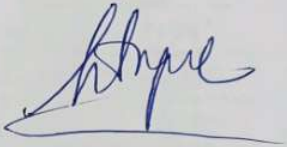
Tổng số: 35
Số sinh viên có mặt: 34
Số sinh vắng mặt: 1...

Số bài thi: 34
Số tờ giấy thi: 34

Giám thị 1


Duyệt
Trưởng khoa

Đặng Mạnh Cường

Giám thị 2

Nguyễn Ngọc Phụng

Thư ký khoa

Hồng Tuyết Ngân

DANH SÁCH HỌC SINH - SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC

Tên môn : Đo lường điện

Học kỳ: 2

Khóa học : TC2025

Năm học: 2025

Bậc đào tạo : Trung cấp chính quy 1.5 năm

Phòng thi: Phòng A05

Ngày thi : 23/06/2026

Giờ thi: 13.30

Lần thi: 1

STT	SBD	Mã số	Họ và tên	Số phách	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Ký tên	Ghi chú
1	106	25TQ1C_21	Nguyễn Thành Nghĩa	145	1	3,0	Ba	<i>[Signature]</i>	
2	107	25TQ1A_23	Nguyễn Minh Ngọc	146	1	4,0	Bốn	<i>[Signature]</i>	
3	108	25TQ1D_29	Trần Tuấn Nguyễn	147	1	1,0	Một	<i>[Signature]</i>	
4	109	25TQ1B_31	Võ Đình Nguyễn	148	1	4,0	Bốn	<i>[Signature]</i>	
5	110	25TQ1C_26	Đoàn Thanh Nhã	149	1	3,5	Ba lăm	<i>[Signature]</i>	
6	111	25TQ1E_30	Lê Chí Nhân	156	1	3,0	Ba	<i>[Signature]</i>	
7	112	25TQ1A_25	Lê Nguyễn Hoàng Nhân	137	1	9,0	Chín	<i>[Signature]</i>	
8	113	25TQ1C_27	Nguyễn Hoàng Nhân	138	1	2,5	Hai lăm	<i>[Signature]</i>	
9	114	25TQ1E_31	Nguyễn Thiện Nhân	139	1	4,5	Bốn lăm	<i>[Signature]</i>	
10	115	25TQ1C_28	Nguyễn Song Pha	140	1	2,0	Hai	<i>[Signature]</i>	
11	116	25TQ1F_27	Nguyễn Tấn Phát	141	1	4,0	Bốn	<i>[Signature]</i>	
12	117	25TQ1D_30	Phan Thành Phát	142	1	2,5	Hai lăm	<i>[Signature]</i>	
13	118	25TQ1D_31	Trương Đại Phát	143	1	1,0	Một	<i>[Signature]</i>	
14	119	25TQ1A_27	Lưu Chấn Phong	144	1	6,5	Sáu lăm	<i>[Signature]</i>	
15	120	25TQ1A_28	Nguyễn Thế Phong	125	1	7,0	Bảy	<i>[Signature]</i>	
16	121	25TQ1C_29	Trần Đình Phong	126	1	3,0	Ba	<i>[Signature]</i>	
17	122	25TQ1E_32	Dương Gia Phú	127	1	3,5	Ba lăm	<i>[Signature]</i>	
18	123	25TQ1C_31	Trần Hồ Ngọc Phú	128	1	0,0	Không	<i>[Signature]</i>	
19	124	25TQ1C_32	Đồng Lưu Bảo Phúc	129	1	3,5	Ba lăm	<i>[Signature]</i>	
20	125	25TQ1E_33	Hồ Hoàng Phúc	130	1	1,0	Một	<i>[Signature]</i>	
21	126	25TQ1B_34	Nguyễn Hoàng Giao Phúc	131	1	5,0	Năm	<i>[Signature]</i>	
22	127	25TQ1D_33	Lữ Minh Quân	132	1	1,0	Một	<i>[Signature]</i>	
23	128	25TQ1A_32	Nguyễn Minh Quân	133	1	7,5	Bảy lăm	<i>[Signature]</i>	
24	129	25TQ1F_30	Trần Minh Quân	134	1	7,5	Bảy lăm	<i>[Signature]</i>	
25	130	25TQ1C_34	Văn Viết Quân	135	1	4,5	Bốn lăm	<i>[Signature]</i>	
26	131	25TQ1E_34	Hoàng Đăng Quang	116	1	1,0	Một	<i>[Signature]</i>	
27	132	25TQ1A_31	Lâm Nhật Quang	117	1	6,0	Sáu	<i>[Signature]</i>	
28	133	25TQ1B_35	Nguyễn Ngọc Quý	118	1	0,0	Không	<i>[Signature]</i>	
29	134	25TQ1A_33	Đỗ Trọng Quý	119	1	5,0	Năm	<i>[Signature]</i>	
30	135	25TQ1E_35	Thạch Lưu Minh Quyền	120	1	8,0	Tám	<i>[Signature]</i>	
31	136	25TQ1C_35	Dương Bình Sang	121	1	0,0	Không	<i>[Signature]</i>	
32	137	25TQ1B_37	Huỳnh Nguyễn Thái Sơn	122	1	0,5	Không lăm	<i>[Signature]</i>	
33	138	25TQ1B_38	Nguyễn Thanh Sơn	123	1	6,5	Sáu lăm	<i>[Signature]</i>	
34	139	25TQ1D_37	Từ Tấn Tài	124	1	4,0	Bốn	<i>[Signature]</i>	

35	140	25TQ1C_38	Huỳnh Minh	Tâm	105	1	3,0	Ba	Tâm
36	141	25TQ1A_37	Nguyễn Ngọc	Tâm	106	1	2,5	Harlan	Tâm
37	142	25TQ1B_40	Lý Thanh	Tân	107	1	3,0	Ba	Tâm
38	143	25TQ1D_38	Nguyễn Phúc	Tân	108	1	1,5	Hết nước	Tâm
39	144	25TQ1F_32	Lê Huỳnh Quang	Tân	109	1	0,0	Khô	Tâm
40	145	25TQ1C_40	Nguyễn Gia	Thái	110	1	2,0	Hai	Thái
41	146	25TQ1A_38	Phạm Đình	Thái	111	1	4,0	Bốn	Thái
42	147	25TQ1D_39	Trương Minh Quốc	Thái	112	1	1,0	Một	Thái
43	148	25TQ1E_37	Dương Văn Hoàng	Thắng	113	1	0,0	Khô	Thắng
44	149	25TQ1C_39	Lâm Duy	Thanh	114	1	0,5	Nửa điểm	Thanh
45	150	25TQ1B_41	Nguyễn Chí	Thanh	115	1	6,5	Sáu lăm	Thanh

Tổng số: 45

Số sinh viên có mặt: 45.

Số sinh vắng mặt: 00.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 06 năm 2026

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Giám thị 1

Trần Minh Sơn

Duyệt

Trưởng khoa

Đặng Mạnh Cường

Giám thị 2

Trần Ngọc Tường Vy

Thư ký khoa

Hồng Tuyết Ngân

DANH SÁCH HỌC SINH - SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC

Tên môn : Đo lường điện

Khóa học : TC2025

Bậc đào tạo : Trung cấp chính quy 1.5 năm

Ngày thi : 23/06/2026

Học kỳ: 2

Năm học: 2025

Phòng thi: Phòng A06

Giờ thi: 13.30

Lần thi: 1

STT	SBD	Mã số	Họ và tên	Số phách	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Ký tên	Ghi chú
1	151	25TQ1E_36	Phạm Nhật Thanh	180	1	3,0	Ba		
2	152	25TQ1F_33	Đỗ Đạt Thành	181	1	7,0	Bảy		
3	153	25TQ1A_39	Diệp Thị Trang Thảo	182	1	3,5	Ba rưỡi		
4	154	25TQ1C_42	Trần Thiện Thê	183	1	5,5	Năm rưỡi		
5	155	25TQ1E_38	Nguyễn Nhật Thiên	184	1	3,0	Ba		
6	156	25TQ1C_43	Nguyễn Trần Phước Thiên	185	1	6,5	Sáu rưỡi		
7	157	25TQ1C_44	Ksor Thing	172	1	1,0	Một		
8	158	25TQ1C_45	Huỳnh Công Thịnh	173	1	6,0	Sáu		
9	159	25TQ1A_41	Lê Duy Thịnh	174	1	6,0	Sáu		
10	160	25TQ1F_35	Đặng Huỳnh Anh Thư	175	1	5,0	Năm		
11	161	25TQ1F_36	Đỗ Duy Thúc	176	1	8,0	Tám		
12	162	25TQ1B_46	Châu Kiều Hoài Tín	177	1	1,5	Một rưỡi		
13	163	25TQ1B_47	Trần Hoàng Minh Tính	178	1	0,5	Không		
14	164	25TQ1C_48	Đặng Xuân Toại	179	1	3,5	Ba rưỡi		
15	165	25CS1A_48T	Nguyễn Phạm Minh Trí	185	1	2,0	Hai		
16	166	25TQ1F_37	Lê Phát Triền	166	1	8,5	Tám rưỡi		
17	167	25TQ1F_38	Hà Công Trọng	167	1	3,0	Ba		
18	168	25TQ1C_49	Võ Thành Trọng	168	1	1,0	Một		
19	169	25TQ1B_48	Huỳnh Quốc Trung	169	1	3,0	Ba		
20	170	25TQ1D_41	Nguyễn Mạnh Trường	170	1	0,0	Không		
21	171	25TQ1D_42	Nguyễn Nhật Trường	171	1	3,0	Ba		
22	172	25TQ1C_50	Đào Tuấn	157	1	2,0	Hai		
23	173	25TQ1A_48	Nguyễn Huỳnh Anh Tuấn	158	1	10,0	Mười		
24	174	25TQ1D_44	Trần Ngọc Văn	159	1	3,5	Ba rưỡi		
25	175	25TQ1D_43	Nguyễn Thiên Vạn	160	1	4,5	Bốn rưỡi		
26	176	25TQ1E_39	Dương Gia Vĩ	161	1	3,0	Ba		
27	177	25TQ1F_41	Trần Lê Tuấn Vĩ	162	1	9,0	Chín		
28	178	25TQ1B_52	Nguyễn Quốc Việt	163	1	1,5	Một rưỡi		
29	179	25TQ1F_39	Nguyễn Đỗ Thanh Vinh	164	1	6,0	Sáu		
30	180	25TQ1D_45	Phan Thái Vinh	150	1	4,5	Bốn rưỡi		
31	181	25TQ1F_40	Võ Quang Vinh	151	1	1,0	Một		
32	182	25TQ1F_42	Lâm Hoàng Vũ	152	1	1,5	Một rưỡi		
33	183	25TQ1A_52	Phạm Hồ Khánh Vũ	153	1	5,0	Năm		
34	184	25TQ1A_53	Quách Bảo Xuyên	154	1	4,0	Bốn		

35	185	25TQIB_54	Võ Từ Ý	155	1	0.0	Không	không
----	-----	-----------	---------	-----	---	-----	-------	------------------

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 6 năm 2021

Tổng số: 35
Số sinh viên có mặt: 35..
Số sinh vắng mặt: 0,00..

Số bài thi: 38..
Số tờ giấy thi: 35..

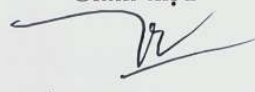
Giám thị 1


N-V-phu

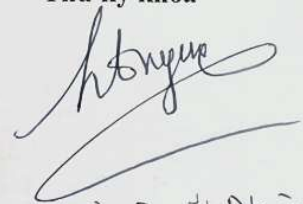
Duyệt
Trưởng khoa


Đặng Mạnh Cường

Giám thị 2


Đoàn Lê Thanh Trúc

Thư ký khoa


Hồng Tuyết Ngân

DANH SÁCH MÔN THI - ĐO LƯỜNG ĐIỆN

Khóa học: TC2025
Lần thi: 1

Hệ đào tạo: Trung cấp
13g30 ngày: 23/06/2026

Thi ghép 25TC HK2
Phòng thi: A.06

STT	SBD	MSSV	HỌ VÀ TÊN	Phách	Số tờ	Điểm thi		Ký tên	Ghi chú
						. = số	. = chữ		
1	186	24TQ1D_02	Ngô Huỳnh Gia Bảo	156	1	0,5	Như		thi tại A.01

Tổng số: 01 học viên

Tổng số học sinh có mặt: 00/02 01

Tổng số học sinh vắng mặt: 01 00

Ngày 23 tháng 6 năm 2026

Số bài thi: 00, 01

Số tờ giấy thi: 00, 01

Cán bộ coi thi 1
(Họ tên và chữ ký)



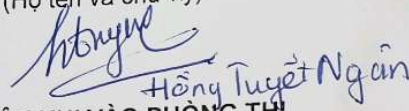
Duyệt
Trưởng khoa
(Họ tên và chữ ký)


Đặng Mạnh Cường

Cán bộ coi thi 2
(Họ tên và chữ ký)


Trần Thị Thanh Trúc

Thư ký khoa
(Họ tên và chữ ký)


Hồng Tuyết Ngân

CÁC HỌC SINH ĐEM THEO THẺ HỌC SINH HOẶC GIẤY TỜ TÙY THÂN KHI VÀO PHÒNG THI